

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**



**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
VĂN HÓA SÔNG NƯỚC Ở ĐÔNG NAM Á
BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN**

**THE RIVER CULTURES IN SOUTHEAST ASIA
PRESERVATION AND DEVELOPMENT**



**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ
2019**

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Trưởng ban

GS. TS. Hà Thanh Toàn

Hiệu trưởng Trường ĐH Cần Thơ

Phó trưởng ban

PGS. TS. Lê Văn Khoa

TS. Thái Công Dân

TS. Bùi Thanh Thảo

Trưởng Phòng QLKH Trường ĐHTC

Trưởng Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Phó Trưởng Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Thành viên

PGS. TS. Đào Ngọc Cảnh

ThS. Nguyễn Huỳnh Mai

TS. Huỳnh Văn Đà

ThS. Lê Thị Tố Quyên

ThS. Trần Văn Thịnh

ThS. Lê Thị Nhiên

TS. Hứa Hồng Hiểu

ThS. Nguyễn Thị Bé Ba

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Thư kí

ThS. Tăng Thị Lệ Huyền

ThS. Thạch Chanh Đa

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

BAN NỘI DUNG

Trưởng ban

GS. TS. Hà Thanh Toàn

Hiệu trưởng Trường ĐH Cần Thơ

Phó trưởng ban

PGS. TS. Đào Ngọc Cảnh

PGS. TS. Nguyễn Kim Châu

TS. Bùi Thanh Thảo

Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Phó Trưởng Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Phó Trưởng Khoa KHXH&NV, Trường ĐHTC

Thành viên

TS. Thái Công Dân

ThS. Trần Thanh Điện

PGS. TS. Montira Rato

TS. Saikaew Thipakorn

TS. Lê Thị Ngọc Điện

Khoa KHXH&NV, ĐHTC Cần Thơ

Giám đốc NXB ĐHTC

Trường ĐHTC Chulalongkorn, Thái Lan

Trường ĐHTC Chulalongkorn, Thái Lan

Khoa Văn hoá học, Trường ĐHTC KHXH&NV,
ĐHQG TP.HCM

TS. Trần Văn Nam

TS. Nguyễn Lâm Điền

TS. Trần Minh Thuận

TS. Huỳnh Thị Trang

Trường CĐ Văn hoá Nghệ thuật Cần Thơ

Trường ĐHTC Tây Đô

Khoa Sư phạm, Trường ĐHTC Cần Thơ

Khoa KHXH&NV, ĐHTC Cần Thơ

TS. Huỳnh Văn Đà
TS. Hứa Hồng Hiếu
TS. Lê Văn Phương
TS. Nguyễn Thị Nhung
ThS. Trần Văn Thịnh
ThS. Tạ Đức Tú
ThS. Nguyễn Trọng Nhân
ThS. Thạch Chanh Đa
ThS. Lê Thị Tố Quyên
ThS. Trương Thị Kim Thủy
ThS. Lê Thị Nhiên
ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh
ThS. Trần Thị Diễm Càn

Thư kí

ThS. Thạch Chanh Đa
CN. Võ Văn Thảo

Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ

Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ
Khoa KHXH&NV, ĐH Cần Thơ

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

CHỦ ĐỀ 1: VĂN HÓA SÔNG NƯỚC TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ 1

1. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI TRÊN BIÊN ĐÔNG VỚI QUÁ TRÌNH ĐỊNH HÌNH VĂN HÓA NAM BỘ BUỔI ĐẦU KHAI PHÁ THẾ KỶ XVII-XVIII 2
ThS. Nguyễn Đình Cơ, ThS. Nguyễn Xuân Trinh
2. CẢNG THỊ CÙ LAO PHỐ, MỸ THO ĐẠI PHỐ VÀ NHỮNG TIẾP BIẾN VĂN HÓA CƯ DÂN VÙNG SÔNG NƯỚC NAM BỘ 12
PGS. TS. Nguyễn Đức Hòa
3. DẤU ẤN VĂN HÓA TRUNG - AN TẠI THƯƠNG CẢNG QUỐC TẾ ÓC EO 22
NCS. Phạm Thị Huệ
4. DẤU ẤN SÔNG NƯỚC ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CƯ DÂN NAM BỘ TRƯỚC THẾ KỶ VII QUA CÁC CỨ LIỆU KHẢO CỔ HỌC 32
ThS. Đào Vĩnh Hợp
5. LANGUAGE CHOICE AND LANGUAGE MAINTENANCE AMONG CHINESE THAIS WHO LIVE IN LAT KRABANG, BANGKOK 44
Du Xiaoshan
6. THÍCH ỨNG VĂN HÓA VỚI SÔNG NƯỚC CỦA CƯ DÂN ĐẦU NGUỒN VÀ CUỐI NGUỒN SÔNG MEKONG 56
ThS. Bùi Thị Hoa
7. DẤU ẤN VĂN HÓA SÔNG NƯỚC TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA CƯ DÂN MỘT SỐ QUỐC GIA Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM Á 67
ThS. Trương Hoàng Vinh
8. THE DEVELOPMENT OF BANGKOK'S NEW IDENTITY THROUGH ITS DEVELOPMENT AS A ROAD-BASED CITY 77
Chunni Wu
9. DEVELOPMENT AND PRESERVATION OF MEKONG RIVER CULTURE IN THE CASE OF THE ANGKOR CIVILIZATION AND LUANG PRABANG 89
Zhang Rundong

10. THE ROLE OF ETHNIC CHINESE IN THAILAND'S BANKING SECTOR DEVELOPMENT IN THE EARLY 20 th CENTURY.....	99
<i>Shenglan ZHENG</i>	
11. REVIEW OF CHINESE STUDENTS' INTEGRATION INTO THAI SOCIETY	109
<i>Caoyi Zhang</i>	
CHỦ ĐỀ 2: VĂN HÓA SÔNG NƯỚC - SỰ THỐNG NHẤT TRONG ĐA DẠNG	119
12. NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THÔNG CỦA DÂN TỘC THÁI VÙNG VEN SÔNG ĐÀ TỈNH SƠN LA	120
<i>ThS. Nguyễn Thị Hạnh</i>	
13. “GHE - XUÔNG” TRONG ĐỜI SỐNG TÂM LINH CỦA NGƯỜI VIỆT NAM BỘ (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CÁC ÔNG ĐẠO).....	130
<i>ThS. Nguyễn Trung Hiếu, ThS. Mai Thị Minh Thủy</i>	
14. TÍN NGƯỠNG THỜ CÁ VOI CỦA NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.....	140
<i>TS. Trần Hữu Hợp</i>	
15. BIỂU TƯỢNG NAGA TRONG VĂN HÓA CỦA CƯ DÂN SÔNG MEKONG	149
<i>ThS. Phạm Trần Quang Hưng, ThS. Nguyễn Thị Yến Liễu, ThS. Du Quốc Đạo</i>	
16. VĂN HÓA ĐÁNH BẮT THỦY SẢN Ở NAM BỘ.....	158
<i>Nguyễn Thanh Lợi</i>	
17. AO LÀNG, GIẾNG LÀNG TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	167
<i>ThS. Vũ Hải Thiên Nga</i>	
18. VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG SÔNG VÀM CỎ ĐÔNG Ở TÂY NINH.....	176
<i>Phí Thành Phát</i>	
19. LUẬT TỤC VÀ TRI THỨC BẢN ĐỊA CỦA NGƯỜI TÀ ÔI ĐỐI VỚI TÀI NGUYÊN NƯỚC	186
<i>Trần Nguyễn Khánh Phong</i>	

20. THE SPECIFIC CULTURAL VALUES OF PEOPLE IN THE CENTRAL COASTAL ZONE OF VIETNAM.....196
NCS. Nguyễn Thị Hoài Phúc
21. TÍN NGƯỠNG CẦU NƯỚC, CẦU MƯA Ở CHÂU THỎ SÔNG HỒNG....205
TS. Vũ Diệu Trung
22. TÍN NGƯỠNG VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ BÀ THỦY: BỐI CẢNH THAY ĐỔI CỦA CƯ DÂN VẠN ĐÒ TRÊN SÔNG HƯƠNG (HUẾ, VIỆT NAM)215
ThS. Nguyễn Mạnh Hà
23. DIFFERENCES IN ENVIRONMENTAL AWARENESS IN LEVEL OF EDUCATION AND BETWEEN ETHNIC GROUPS: A CASE STUDY OF TWO DISTRICTS IN CA MAU PENINSULA.....226
Nguyen Hai Minh, BA; Nguyen Anh Minh, MA; Huynh Van Da, PhD
24. TRI THỨC DÂN GIAN GẮN VỚI YẾU TỐ NƯỚC TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ.....238
ThS. Lê Thị Diễm Phúc
- CHỦ ĐỀ 3. VĂN HÓA SÔNG NƯỚC VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....245**
25. TRANSFORMATION FROM A TOURISTIC DESTINATION TO A CITY OF CONTEMPORARY ART FOR THE INCLUSIVENESS OF THE LOCAL: THAILAND BIENNALE: KRABI 2018246
Suppakorn Disatapundhu, Vimolluk Chuchat, Patcha Utiswannakul, Pibool Waijitragum
26. CHARACTERISTICS OF THE WATER SPLASHING FESTIVAL IN LAO TOURISM DEVELOPMENT.....255
Nguyen Thi Be Ba, MA; Lobphalak Outhitpanya
27. BẢO TỒN GIÁ TRỊ VĂN HÓA SÔNG NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CHỢ NỔI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.....264
PGS. TS. Đào Ngọc Cảnh
28. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ - VĂN HÓA CÙ LAO VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÙ LAO Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG273
PGS. TS. Đào Ngọc Cảnh, Trần Bá Cường
29. PHIM ẢNH - HÌNH THỨC MARKETING HIỆU QUẢ CHO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG282
ThS. Nguyễn Ngọc Diệp

30. PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐƯỜNG SÔNG KẾT HỢP VỚI KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA LÀNG QUÊ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG, VIỆT NAM.....	293
<i>TS. Lê Thị Thu Hiền, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Trinh</i>	
31. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG KHAI THÁC CHỢ NỘI PHỤC VỤ DU LỊCH Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG BẰNG PHƯƠNG PHÁP THANG ĐIỂM TỔNG HỢP	304
<i>ThS. Nguyễn Trọng Nhân</i>	
32. PROPOSING SOLUTIONS TO WATERWAY – BASED TOURISM DEVELOPMENT IN CAN THO CITY	314
<i>Lê Thị Tố Quyên, MA; Lý Mỹ Tiên, MA; Nguyễn Thị Mỹ Duyên, MA</i>	
33. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH ĐẶC THÙ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG DỰA TRÊN VỊ THẾ VĂN MINH SÔNG NƯỚC	323
<i>ThS. Trương Thị Kim Thủy, Đinh Hiếu Nghĩa</i>	
34. SẢN PHẨM DU LỊCH GẮN VỚI VĂN HÓA “NƯỚC” Ở MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á - KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN DU LỊCH LỄ HỘI CỦA NGƯỜI KHMER ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	329
<i>ThS. Trương Thị Kim Thủy</i>	
35. CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS TO DEVELOPMENT OF TOURISM FACILITIES IN CAN THO CITY	337
<i>Nguyen Thi Be Ba, MA; Tran My Tien; Jyrose Armie D. Dulatre</i>	
36. CHARACTERISTICS OF RIVER CULTURE IN TOURISM DEVELOPMENT IN BINH THANH ISLET, CHAU THANH DISTRICT, AN GIANG PROVINCE.....	347
<i>Nguyen Thi Be Ba, MA; Nguyen Thi Huynh Phuong, MA; Tieu Thanh Phat; Alyssa Marie B. Querimit</i>	
37. NGHỀ THƯƠNG HỒ Ở CHỢ NỘI CÁI RĂNG TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA MÙU SINH	358
<i>ThS. Nguyễn Minh Ca</i>	
CHỦ ĐỀ 4: VĂN HÓA SÔNG NƯỚC KHÚC XẠ VÀO VĂN HỌC	371
38. THÂN THOẠI CÔ MẪU VỀ NƯỚC, SUỐI, SÔNG, BIÊN, HẢI ĐẢO - TÍNH TOÀN NHÂN LOẠI VÀ ĐẶC TRƯNG KHU VỰC	372
<i>PGS. TS. Nguyễn Thị Huệ</i>	

39.	ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG SÁCH GIÁO KHOA NGŨ VĂN PHỔ THÔNG	387
	<i>TS. Nguyễn Thị Quốc Minh</i>	
40.	SỰ TRUYỀN TẢI GIÁ TRỊ GIÁO DỤC THÔNG QUA TƯ LIỆU DÂN GIAN LIÊN QUAN ĐẾN SÔNG NƯỚC NAM BỘ VIỆT NAM	398
	<i>ThS. Trương Thị Lam Hà</i>	
41.	RIVER CULTURAL IMPRESSION IN FOLK-SONGS OF THE MEKONG DELTA	407
	<i>Dr. Nguyen Thi Nhung</i>	
42.	CẤU TRÚC DIỄN XUỐNG CA DAO VÀ MỘT SỐ THÀNH TỐ CƠ BẢN	419
	<i>ThS. Trần Văn Thịnh, TS. Bùi Thanh Thảo</i>	
43.	MIỀN Ý NIỆM SÔNG NƯỚC TRONG CA DAO NAM BỘ	429
	<i>TS. Đào Duy Tùng, ThS. Đoàn Thị Phương Lam</i>	
44.	KHÔNG GIAN NƯỚC TRONG KIỆU TRUYỆN HÔN NHÂN NGƯỜI - TIÊN VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á BIỂU TƯỢNG THÂM MĨ CÙNG GIÁ TRỊ DU LỊCH ĐƯƠNG ĐẠI	439
	<i>PGS. TS. Phạm Thu Yến, NCS. Nguyễn Minh Thu</i>	
45.	VĂN HÓA DÂN GIAN SÔNG NƯỚC QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN CẦN THƠ	451
	<i>TS. Trần Văn Nam</i>	
46.	ẢM ẢNH SÔNG NƯỚC TRONG TẠP VĂN NGUYỄN NGỌC TƯ	461
	<i>TS. Bùi Thanh Thảo, ThS. Trần Văn Thịnh</i>	
47.	DẤU ÁN VĂN HÓA SÔNG NƯỚC Ở MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỶ XIX TRONG HỒI KÝ XỨ ĐÔNG DƯƠNG CỦA PAUL DOUMER	471
	<i>ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh</i>	
48.	VĂN HÓA SÔNG NƯỚC VÙNG TÂY NAM BỘ TRONG VĂN XUÔI MAI BỬU MINH	483
	<i>Vũ Trương Thảo Sương</i>	

DẤU ẤN VĂN HÓA SÔNG NƯỚC Ở MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỶ XIX TRONG HỒI KÝ XỨ ĐÔNG DƯƠNG CỦA PAUL DOUMER

ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh¹

TÓM TẮT

Bài viết nhằm chỉ ra dấu ấn văn hóa sông nước ở một số nước Đông Nam Á: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanma... ở đầu thế kỷ XX trong hồi ký Xứ Đông Dương của Paul Doumer. Bằng các phương pháp hệ thống - loại hình, liên ngành, phân tích - tổng hợp, so sánh, bài viết cho thấy những đặc trưng văn hóa sông nước vừa mang tính phổ quát của khu vực vừa mang tính cá biệt của từng quốc gia, bao gồm: đặc trưng về không gian sông nước, văn hóa định cư, phương tiện đi lại, động - thực vật đặc trưng, đặc điểm văn hóa từng dân tộc.

Từ khóa: Đông Dương, Đông Nam Á, không gian văn hóa, Paul Doumer, văn hóa sông nước

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đông Nam Á được xem là cái nôi của nền văn minh lúa nước. Theo Trần Ngọc Thêm, “*Nắng và mưa, nóng và ẩm, núi và sông, non và nước, lục địa và đại dương luôn luôn là hai hằng số tự nhiên chi phối toàn bộ truyền thống văn hóa các nước Đông Nam Á*” (Trần Ngọc Thêm, 2014), trong đó có đặc trưng văn hóa sông nước của khu vực này. Đặc biệt, dòng sông Mekong góp phần rất lớn trong việc hình thành văn hóa sông nước của các nước ở nhóm đất liền: Myanma, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam. Mặc dù có những điểm chung nhất định, mỗi vùng lãnh thổ lại có những đặc trưng văn hóa sông nước riêng. Vì vậy, việc nghiên cứu tính “*thống nhất trong sự đa dạng*” của nền văn hóa này luôn là đề tài hấp dẫn đối với giới nghiên cứu.

Tác phẩm *Xứ Đông Dương (L'Indo-Chine française: Souvenirs)* là hồi ký của Joseph Athanase Paul Doumer (1857-1932) - Toàn quyền Đông Dương (1897-1902), Tổng thống Pháp (1931-1932). Tác phẩm được ông viết vào năm 1903 sau khi trở về từ Đông Dương. Sau 113 năm, quyền hồi ký này được dịch sang tiếng Việt. Quyển sách không chỉ lưu lại kỷ niệm của một cá nhân mà đó còn là nơi lưu giữ những giá trị lịch sử, văn hóa, dân tộc của các nước khu vực Đông Nam Á. Từ bờ Tây của châu Âu lạnh giá, sau chuyến hải trình 26 ngày đêm, Doumer đã dần thâm nhập và khám phá ra khu vực Đông Nam Á với nhiều thay đổi từ thời tiết, khí hậu, nhiệt độ và quang cảnh đến lối sống, phong tục, tập quán, văn hóa sinh hoạt. Trong đó, những dấu ấn về văn

¹ Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Cần Thơ.

hóa sông nước của một số nước như Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanma được tác giả miêu tả từ khái quát đến cụ thể. Đó là những đặc trưng về không gian sông nước trù phú, tươi đẹp, rục rờ; về văn hóa định cư; về phương tiện đi lại; về đặc trưng động - thực vật; về đặc điểm văn hóa từng dân tộc.

2. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về văn hóa Đông Nam Á, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu từ quy mô đến các bài viết nhỏ lẻ. Trong phạm vi bài nghiên cứu này, chúng tôi chỉ đề cập đến các công trình trọng yếu đã được xuất bản: *Lịch sử văn hóa Đông Nam Á* do Phạm Đức Dương, Phạm Nguyên Long chủ biên (2013), *Những vấn đề về văn hóa - lý luận và ứng dụng* của Trần Ngọc Thêm (2014), *Văn hóa và ngôn ngữ phương Đông* của Mai Ngọc Chừ (2009), *Tìm hiểu nền văn minh Đông Nam Á* của Đinh Trung Kiên (2007), *Văn hóa Đông Nam Á* của Nguyễn Tấn Đắc (2009), *Văn hóa Đông Nam Á* của Mai Ngọc Chừ (1999), *Phong tục các dân tộc Đông Nam Á* do Ngô Văn Doanh và Ngô Quang Thiện sưu tầm, tuyển chọn, biên soạn (1997), *Văn hóa - giáo dục các nước Đông Nam Á* của Trung tâm đào tạo khu vực của SEAMEO tại Việt Nam (2003), *Đông Nam Á, Những vấn đề văn hóa - xã hội* của Trung tâm nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á (2000), *Nghiên cứu Đông Nam Á* của Viện nghiên cứu Đông Nam Á (2019), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á* của Đinh Gia Khánh (1993)... Đó là những công trình nghiên cứu chuyên sâu hoặc tập hợp những bài nghiên cứu về văn hóa Đông Nam Á ở các khía cạnh: tiến trình lịch sử văn hóa, chủng tộc, ngôn ngữ, điều kiện tự nhiên, tín ngưỡng - tôn giáo, lễ hội, phong tục tập quán, âm thực, nghệ thuật, văn hóa bản địa, đặc trưng văn hóa từng quốc gia trong khu vực. Trong đó, công trình *Những vấn đề về văn hóa - lý luận và ứng dụng* của Trần Ngọc Thêm có nghiên cứu sâu về vấn đề văn hóa sông nước.

Đối với hồi ký *Xứ Đông Dương*, từ khi ra đời đến nay cũng đã nhận được nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu và độc giả Việt Nam. Tuy nhiên, hầu hết chỉ dừng lại ở những bài viết cảm nhận đơn lẻ về lịch sử, văn hóa Việt Nam. Chưa có công trình nào nghiên cứu về những dấu ấn văn hóa sông nước của các nước Đông Nam Á trong hồi ký này.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp là chủ yếu. Bên cạnh đó còn sử dụng kết hợp các phương pháp như phương pháp hệ thống - loại hình, phương pháp nghiên cứu liên ngành, phương pháp so sánh để làm rõ vấn đề.

4. NỘI DUNG

4.1 Khái niệm văn hóa sông nước

Qua nghiên cứu, hầu hết các nhà nghiên cứu đều sử dụng thuật ngữ "văn hóa sông nước" khá nhiều, tuy nhiên, chưa có một khái niệm rõ ràng

cho thuật ngữ này. Trần Ngọc Thêm đã có những nghiên cứu khá sâu sắc về văn hóa sông nước qua hai công trình *Những vấn đề về văn hóa - lý luận và ứng dụng* (2014) và *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ* (2014). Tuy nhiên, ông sử dụng không đồng nhất các thuật ngữ như “văn hóa sông nước”, “văn hóa nước” và “tính sông nước” để nói về văn hóa sông nước. Theo đó, tác giả đề cập cơ sở hình thành và các đặc trưng của “*nền văn hóa nước*”: “*Do địa hình cư trú là vùng sông nước nên ở đây mọi thứ đều phải thích nghi với nước: từ thực vật, động vật đến con người... Con người đã tạo nên một nền văn hóa nước đa dạng: tận dụng nước, đối phó với nước, sùng bái nước và lưu luyến nước*” (Trần Ngọc Thêm, 2014).

Trong công trình nghiên cứu *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ* (2014), khi đề cập đến các đặc trưng tính cách văn hóa của người Việt vùng Tây Nam Bộ thì Trần Ngọc Thêm có đề cập đến “tính sông nước” (“*waterway-ness*”). Ông cho rằng, “*tính sông nước là sự biểu hiện của sông nước trong văn hóa Tây Nam Bộ... là một phẩm chất thuộc hệ tính cách văn hóa Tây Nam Bộ*”. Vì vậy, ông đưa ra khái niệm về “tính sông nước: “*Tính sông nước – hay nói đầy đủ hơn là “tính hòa hợp cao với thiên nhiên sông nước” – là một đặc trưng tính cách văn hóa xuất hiện ở những vùng văn hóa có mạng lưới sông nước dày đặc chi phối toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của con người và con người thì biết khai thác tối đa lợi thế của thiên nhiên sông nước trong khi chỉ đối phó với nó ở mức tối thiểu và đối phó mà không xung đột với nó*” (Trần Ngọc Thêm, 2014). Theo đó, tác giả nêu lên 6 biểu hiện của tính sông nước: thủy sản là thức ăn chủ lực, nơi cư trú gắn với sông nước, xử sở giao thông đường thủy, phần lớn nghề nghiệp gắn với sông nước, sinh hoạt và ứng xử theo quy luật con nước, nghệ thuật mang đậm dấu ấn sông nước.

Như vậy, dù có những cách gọi khác nhau nhưng “văn hóa nước” hay “tính sông nước” đều chỉ “những giá trị văn hóa đặc trưng gắn liền với sông nước của con người”. Đây là cách hiểu về “văn hóa sông nước” trong bài viết này.

4.2 Những đặc trưng văn hóa sông nước ở một số nước Đông Nam Á trong hồi ký *Xứ Đông Dương* của Paul Doumer

4.2.1 Đặc trưng không gian sông nước Đông Nam Á

Trước hết, đó là hệ thống sông ngòi phân bố dày đặc ở từng quốc gia, đặc biệt là những con sông lớn trên bán đảo Đông Dương. Khu vực này bao gồm Việt Nam (An Nam, gồm Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ), Campuchia (Cao Miên) và Lào (Ai Lao)². Các quốc gia này có một điểm chung đó là có dòng sông Mekong chảy qua lãnh thổ. Bên cạnh đó, ở Myanmar (Miến Điện), “*hai con sông lớn là sông Irrawaddy và sông Saluen*”. Đất nước Thái Lan

² Những danh từ riêng trong ngoặc đơn là cách gọi của Paul Doumer trong hồi ký *Xứ Đông Dương*.

(Xiêm La) “*được tưới mát bằng sông Mê Nam, sông này có lưu vực gần như hòa vào lưu vực sông Mê Kông*”. Còn ở Việt Nam, Bắc Kỳ “*có sông Hồng với nhánh chính là sông Đà và sông Lô*”, Bắc Trung Kỳ có “*sông Mã chảy qua tỉnh Thanh Hóa giàu có và sông Lam chảy qua Vinh*”, Nam Trung Kỳ có các sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Quảng Trị, sông Hương, sông Đà Nẵng, sông Cái, sông Đà Rằng, Nam Kỳ có “*sông Đồng Nai phát nguyên từ cao nguyên Lâm Viên ở Trung Kỳ, chảy qua Nam Kỳ, và đổ ra biển qua 20 nhánh, một trong số đó thường được gọi là sông Sài Gòn*”. Những con sông này tuy chảy về nhiều hướng khác nhau nhưng phần lớn xuất phát chung nguồn cội từ sông Mekong bắt nguồn từ phía thượng nguồn Trung Hoa. Chúng vừa đóng vai trò là ranh giới lãnh thổ quy ước nhưng cũng vừa là yếu tố dung hòa đặc trưng giữa các quốc gia. Từ đặc điểm chung này dẫn đến sự tương đồng ở một số lĩnh vực như về hình thức định cư, tập quán sinh hoạt, phương thức canh tác... mà theo cách gọi của Trần Ngọc Thêm, đó là “*hằng số văn hóa*” (Trần Ngọc Thêm, 2008) về bối cảnh tự nhiên và xã hội của các quốc gia Đông Nam Á.

Từ hệ thống sông ngòi dày đặc đó đã tạo nên những vùng đất trù phú, những khung cảnh thiên nhiên đặc sắc. Trước hết là ở Việt Nam (An Nam), đặc biệt là vùng đất Nam Kỳ. Dưới cái nhìn của Paul Doumer, vùng đất An Nam hiện lên với vẻ đẹp rực rỡ sắc màu của những loài cây mọc ven đê, bao quanh các làng ấp, với những vùng đất mới còn ngập nước, những con kênh rạch chạy dọc ngang trên những cánh đồng lúa bát ngát, những “*túp lều tranh nhỏ bé ẩn mình như những tổ chim*” sau những rặng cây hay không gian thoáng đãng, xanh trong, êm đềm như bức tranh thủy mặc. Đặc biệt, tác giả rất ấn tượng với vẻ duyên dáng, mềm mại và dịu dàng với những đường cong lượn của hình dáng các con sông tạo nên những khung cảnh thoát ần thoát hiện như những thước phim ảo thuật: “*Tôi vừa nhìn thấy chúng một lúc thì chúng biến mất rồi lại hiện ra ở mạn bên kia. Con sông có rất nhiều đoạn uốn khúc đến nỗi Sài Gòn lúc thì ở phía trước, lúc thì ở phía sau, lúc thì ở mạn phải, lúc thì ở mạn trái tàu... Thành phố như nhảy múa quanh tàu*”. Là một người ngoại quốc nhưng Doumer đã cảm nhận khá tinh tế vẻ đẹp “chân quê” của thiên nhiên miền Tây Nam bộ. Với giọng điệu miêu tả pha chút chất trữ tình cùng với sự quan sát rất tỉ mỉ, tinh tế, tác giả đã phác họa nên bức tranh thiên nhiên Nam Kỳ đầy hương sắc. Trong bức tranh thiên nhiên rộng lớn ấy, con người chỉ như một thực thể nhỏ bé cùng sống cộng sinh, dung hòa với thiên nhiên.

Đến với sông nước Campuchia và Lào, khác với phong cảnh thoáng đãng ở Nam Kỳ, hai vùng đất này đều có chung đặc điểm là có nhiều nơi còn ngập trong nước và được bao phủ bởi những cánh rừng bạt ngàn. Với những hệ thống sông lớn như trên, vào mùa mưa, nước sông dâng lên làm ngập một số vùng đất trũng. Ở Campuchia, nước được xem như một đặc ân của thiên nhiên tạo nên một vẻ đẹp hùng vĩ: “*Cao Miên là vương quốc của nước. Nó tưới tiêu cho mình bằng con sông mạnh mẽ và hùng vĩ;*” “*Mọi thứ ở Cao Miên*

nếu không ở trong những vùng luôn luôn hay tạm thời ngập nước thì đều thuộc về rừng, những cánh rừng nhiệt đới bạt ngàn, với những cây gỗ quý to lớn và dây leo ở khắp nơi". Cũng giống như ở Nam Kỳ, nước mang lại sự màu mỡ cho đất đai, mang lại sức sống cho vạn vật. Nhưng nếu như ở Nam Kỳ, nước được ví như một người mẹ hiền hòa thì ở Capuchia, nước được ví như một vị thần đầy quyền năng ban cho muôn loài sự sống. Điều đó thể hiện ở sự hiện diện của nước ở khắp nơi và ngự trị trong một thời gian khá dài trong năm. Con người sống hoàn toàn lệ thuộc vào nước mà chưa có sự tác động hay can thiệp nào.

So với Campuchia, sông nước ở Lào cũng mang vẻ đẹp huyền bí không kém với *"những cây cổ thụ khổng lồ thuộc nhiều loài khác nhau, với tán lá đủ tông bậc màu từ vàng sáng tới lục sẫm, với những bông hoa rực rỡ sắc màu tạo thành một đường viền cho dòng sông"*. Khung cảnh đó được tác giả ví như *"khung cảnh mà ở châu Âu người ta chỉ có thể hư cấu trong truyện cổ tích"*. Tuy nhiên, nét đẹp của sông nước Lào không nằm ở những đường cong mềm mại, những dòng chảy dịu dàng, êm đềm mà là vẻ đẹp mạnh mẽ, huyền bí của những ghềnh thác cuộn cuộn, chảy xiết: *"Nhưng dòng nước lao đi với tốc độ rất nhanh qua phần lòng sông này và va đập vào các tảng đá, cuộn xoáy, tạo ra hàng nghìn xoáy nước, sùi bọt và lao tiếp đi để rồi lại bị chặn. Âm thanh của dòng sông vọng đi rất xa, không giống như tiếng thác nước đổ ào ào, mà như một tiếng gầm tắc nghẹn của một gã khổng lồ. Đó là tiếng rên rỉ của thân nước đang chiến đấu với mặt đất"*. Với đặc điểm địa hình đồi núi dốc, những con sông ở Lào hóa thành những ghềnh nước chảy xiết, dữ dội tạo nên những thử thách khắc nghiệt cho con người. Do đó, con người nơi đây ngoài việc thích nghi với sông nước còn cần phải có sức mạnh và bản lĩnh để chinh phục những thử thách ấy. Từ đó tạo nên một nét văn hóa đặc trưng của dân tộc Lào, đó là lễ hội đua thuyền ngược dòng.

4.2.2 Văn hóa định cư vùng sông nước của người dân Đông Nam Á

a. Đặc trưng về nơi ở

Trước hết là về nhà ở. Nét đặc trưng chung của kiểu nhà ở vùng Đông Nam Á là đơn sơ, bình dị. Hầu hết các ngôi nhà đều tận dụng cây cối có sẵn trong tự nhiên để làm nên chỗ ở. Đó có thể là những ngôi nhà được kết bằng tranh (gianh), tre, nứa, lá, rom, đất, gỗ... Theo đó, ở Việt Nam thì có kiểu nhà tranh vách lá, ở Campuchia và Lào thì có kiểu nhà sàn. Mỗi kiểu nhà đều có một đặc trưng riêng. Đối với kiểu nhà của người dân An Nam, Paul Doumer nhận thấy có sự phân biệt cách trang trí ngôi nhà giữa người giàu và người nghèo. Nhà người giàu thì *"rộng rãi hơn, tiện nghi hơn, sạch sẽ hơn"*. Sự trang trọng của ngôi nhà *"nằm ở những bức trướng thêu treo trên vách, ở những chiếc tràng kỷ chạm trổ, ở những chiếc sập bằng gỗ quý nguyên khối dài hàng ba mét và rộng từ 1,5 mét đến 2 mét...trên đó trải những chiếc chiếu dệt rất mịn cái họa tiết trang trí"*. Tuy nhiên, ông cũng nhận ra rằng với sự du nhập của văn hóa phương Tây, đã bắt đầu có xuất hiện các vật dụng

châu Âu trong ngôi nhà Việt: “những bàn ăn đóng ở ngoại ô Saint-Antoine”, “những chiếc bàn gỗ”, “chiếc đèn dầu của Đức”, “những chiếc đồng hồ quả lắc Pháp”, “đồng hồ treo tường”... Theo ông, đó là một sự tiếp biến còn mang tính “Tây già cây” bởi nó còn “vụng về, lạc điệu”. Còn ở Campuchia và Lào, “Những ngôi nhà của họ dựng lên trên những sàn gỗ được chống bởi các cột cao, trông chúng càng lênh khênh vào mùa khô khi những con sông lớn nhỏ trôi lững lờ như ngủ say. Những ngôi nhà ấy chỉ trông bình thường vào mùa nước dâng lên cao đến tận cửa nhà”. Tác giả thấy rằng những kiểu nhà này “thiếu an toàn”, “quá bấp bênh” nhưng ông cũng hiểu được rằng có sống trong nước mới hiểu được nước, bởi người dân nơi đây “không chống lại nước, cũng không tìm cách đắp đê ngăn nước. Họ sống cùng nước, sống nhờ nước”. Đây là kiểu nhà phổ biến của cư dân vùng sông nước Đông Nam Á. Nó thể hiện sự hòa hợp với sông nước, với thiên nhiên, đất trời. Một ngôi nhà bên dòng sông vừa thuận tiện cho di chuyển bằng ghe, xuồng, vừa được hơi nước bốc lên làm mát dịu những ngày hè oi bức, vừa có khung cảnh để ngắm nhìn xa xa bầu trời xanh trong, vừa nhân nha cần câu câu vại ba con cá cho bữa cơm chiều. Tất cả tạo nên một lối sống “nhàn cư vi tiện” cho con người nơi đây.

Thứ hai là về nơi ở, phần lớn cư dân vùng Đông Nam Á đều tập trung sống ở những khu vực dọc hai bên bờ sông hoặc ở những nơi có nước. Trong hồi ký, Paul Doumer không khỏi ngạc nhiên khi thuyền ông đi đến đâu cũng đều thấy người dân đồ xô ra hai bên bờ sông để nhìn ngắm. Bên cạnh đó, tuy họ sống theo định ước làng xã nhưng trong đó có thể tập hợp nhiều tộc người khác nhau. Chẳng hạn ở Nam Kỳ có cả người Hoa, người Chăm, người Khmer, người Kinh, thậm chí người châu Âu (Pháp, Anh...) cùng sinh sống; ở Singapore có cả các tộc người ở Colombo, “từ người Sikh cao lớn ở miền núi tới người Bengale mảnh khảnh ở hai bên sông Hằng”, những người bán địa trên bán đảo Mã Lai, người Anh và người Hoa; ở Lào có cả người Khmer, người Thái... Tất cả tạo thành lối sống quần cư đặc trưng vùng sông nước.

b. Đặc trưng về phương tiện đi lại

Qua hồi ký của Doumer, chúng ta biết được cuối thế kỷ XIX, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á vẫn còn di chuyển chủ yếu bằng các phương tiện là tàu, thuyền (có khi tác giả gọi là sà lúp (chaloupe)), thuyền tam bản (xuồng ba lá), thuyền mảnh (thuyền buồm), ghe, bè. Trong phạm vi sông, rạch ở đất liền, con người di chuyển bằng những tàu, thuyền, ghe nhỏ: “Không gì vừa mạnh mẽ vừa duyên dáng bằng con sông hùng vĩ cuộn cuộn một khối nước khổng lồ giữa đôi bờ rợp bóng cây với vô số ghe thuyền nhỏ lấp ló sau những cánh buồm trắng này”. Trong giao thương quốc tế thì di chuyển bằng các tàu, thuyền lớn. Điều đó, theo Doumer, xuất phát từ hai nguyên nhân. Thứ nhất, do hệ thống sông ngòi dày đặc hoặc bị bao phủ bởi biển cả mênh mông nên để thuận tiện cho việc di chuyển, con người đi bằng đường thủy, xuôi theo dòng nước. Thứ hai là do trình độ kỹ thuật còn lạc hậu. Họ chưa tiếp cận

với những tiến bộ khoa học kỹ thuật để có thể xây dựng nên những cây cầu nối liền đôi bờ sông. Trong tác phẩm, Paul Doumer đã nhắc đến công lao của ông trong việc xây dựng ba cây cầu nổi tiếng ở ba miền Việt Nam: Cầu Long Biên (trước đây gọi là cầu Doumer) ở Hà Nội, cầu Tràng Tiền (cầu Thành Thái) ở Huế và cầu Bình Lợi ở Sài Gòn. Bên cạnh đó, ông còn xây dựng hàng trăm cây cầu lớn nhỏ từ thành thị đến nông thôn, một số tuyến đường sắt quan trọng để nối liền một số khu vực và các nước Đông Dương.

Mỗi quốc gia có những cách di chuyển đặc thù trên sông. Điểm đặc biệt của người dân Nam Kỳ là họ biết nương theo, tận dụng sức nước để di chuyển mà không cần phải tốn nhiều sức lực: *“Nam Kỳ là nơi bằng phẳng nên thủy triều ảnh hưởng như nhau với tất cả các tuyến đường thủy. Như thế thủy triều lên và xuống hai lần mỗi ngày, làm cho các dòng chảy cứ sáu tiếng chảy theo chiều này và sáu tiếng chảy theo chiều ngược lại. Người An Nam lợi dụng điều đó để vận tải hàng hóa mà không mất công sức gì nhiều. Ghe xuồng của họ xuôi dòng với sự trợ lực của buồm hoặc mái chèo vừa đủ để có thể lái được chúng. Khi thủy triều đổi hướng mà chưa tới được điểm đến thì họ bỏ neo hoặc buộc những chiếc tam bản vào bờ; bình tĩnh chờ thủy triều đưa dòng nước thuận đến”*. Từ cách hiểu về đặc trưng dòng chảy của địa hình, Paul Doumer cho thấy khả năng thích nghi của người Việt khi biết tận dụng sức mạnh của dòng chảy để phục vụ cho cuộc sống. Từ đó hình thành nên nét tính cách của người dân Nam bộ: điềm đạm, khoan thai, nhẫn nại, kiên trì, cương nhu với thiên nhiên. Đối với Campuchia, trước khi có hệ thống giao thông đường bộ, ngoài việc di chuyển bằng tàu, thuyền trên sông thì voi *“đã và sẽ còn là một trong những phương tiện di chuyển duy nhất trong thời gian rất lâu nữa ở một phần đáng kể của lãnh thổ vốn quanh năm ngập nước”*. Voi là một loài động vật có tập tính sống ở vùng có nước (sông, đầm lầy...). Nhờ đặc điểm địa hình ngập nước mênh mông nên số lượng voi ở Campuchia rất nhiều. Tận dụng ưu thế của loài động vật cao lớn và mạnh mẽ ấy, người Campuchia đã thuần hóa những “đàn voi rừng” thành những “đàn voi nhà” phục vụ cho nhu cầu đi lại, vận chuyển trên những địa hình ngập nước. Đó là sự linh hoạt và thích nghi của con người ở từng khu vực trong điều kiện tự nhiên đặc trưng của vùng.

Nếu như người Việt đi theo chiều con nước ròng nước lớn thì người Lào (Ai Lao) lại có cách di chuyển khá thú vị, đó là việc đi ngược dòng nước. Do đặc điểm địa hình nên Lào chia thành ba khu vực: Nam Ai Lao, Trung Ai Lao và Bắc Ai Lao. Và để di chuyển từ Nam lên Bắc Ai Lao thì phải đi ngược dòng Mekong. Đây là hành trình gian nan và nguy hiểm vì địa hình phức tạp với những ghềnh thác lởm chởm những tảng đá dưới lòng sông cùng những xoáy nước chết người. Để có những hành trình ngược dòng thành công, con người cần phải có sức mạnh và bản lĩnh để vượt thác: *“Con người chậm rãi trong cuộc hành trình khó khăn này, song mỗi bước đi thật chắc chắn, khi giờ đây anh ta đã hiểu rõ dòng sông, đã nghiên cứu nó một cách khôn ngoan, và biết rõ từng điểm cần đi qua để tránh khỏi hiểm họa từ đôn*

tấn công của nó". Họ không chỉ là những người sống dựa vào thiên nhiên mà còn rất am tường về nó để làm chủ được nó. Đó là những con người đã gán bó cả cuộc đời của mình để thực hiện những hành trình "vượt vũ môn". Họ là những con người tài hoa và bản lĩnh.

c. Đặc trưng động - thực vật vùng sông nước

Về động vật, Paul Doumer đề cập đến các loài như muỗi, đĩa, cá sấu, kiến. Đây đều là những loài sống ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, khí hậu ẩm thấp và nước ngập vừa phải. Trong hồi ký, đây được xem là ấn tượng sâu đậm của Paul Doumer bởi vì ông rất ghét muỗi. Chúng luôn đeo bám ông một cách kỳ lạ: "*Loài hung dữ nhất, khát máu nhất trong các sinh vật chắc chắn là muỗi. Tôi đã nhiều lần trải qua hàng giờ ở nhiều nơi có thể gặp những vị khách bất hảo của rừng xanh; tôi đã hai hoặc ba lần gặp rắc rối với đĩa và kiến, nhưng chỉ có muỗi mới khiến tôi thật sự bận tâm. Trong năm năm, chúng luôn luôn hành tôi khôn khéo ở khắp mọi nơi*". Với giọng kể vừa hài hước vừa thể hiện sự khó chịu, tác giả miêu tả khá chuẩn xác đặc tính của loài động vật này. Về đặc tính sinh học, đây là loại côn trùng có hại, nhưng về ý nghĩa văn hóa, nó có nhiều ý nghĩa trong đời sống sinh hoạt của người dân vùng sông nước, chẳng hạn như tập tục ngũ mản (mùng). Bản thân Paul Doumer cũng từng trải qua "một đêm kinh hoàng" đặc trưng của vùng sông nước. Vừa chịu cảnh "nhà dột cột xiêu", ướt lã chã trong đêm mưa gió, lại chịu sự "truy đuổi", "săn lùng" của những "quái vật tí hon". Đó chính là "nỗi khổ" chung của con người vùng sông nước trong điều kiện khó khăn lúc bấy giờ. Với cá sấu, ông ấn tượng với khả năng ngụy trang bằng những tư thế nằm bất động và màu sắc già gỗ khiến dễ bị nhầm lẫn với những thân cây ở vùng đầm lầy hoặc các dòng sông.

Bên cạnh đó, một số loài thực vật đặc trưng vùng sông nước cũng được tác giả đề cập đến: bông vải, tre, măng cụt... Bông vải Campuchia vốn rất nổi tiếng ở đầu thế kỷ XX. Nó được xuất khẩu và sang ngang với loại vải của Nhật Bản. Ở Việt Nam, hai loài cây được đề cập nhiều là cây tre và măng cụt. Paul Doumer đã chú ý và tìm hiểu về cây tre sau chuyến đi sứ sang Paris năm 1894 của danh thần Triều Nguyễn Đế nhị Phụ chính Đại thần Nguyễn Trọng Hiệp. Ông nhận ra đó là một loài cây "*có rất nhiều công dụng, trong mọi lúc mọi nơi*" ở An Nam: "*Người dân Đông Dương dựng nhà bằng tre... Bờ rào, những chòi canh để trông coi hoặc để nghỉ chân khi đi săn, những cọc cừ bằng tre để ngăn sông xói mòn đất, những chiếc tời, vó và cần câu, tất cả các loại đồ dùng và dụng cụ đều được làm bằng tre. Khi đi đường, nếu cần dựng tạm lều trại, người An Nam cũng dễ dàng làm được khi có những cây tre ở ngay gần*". Đặc biệt, ông miêu tả lại ấn tượng sâu đậm của Đô đốc Pottier đã sùng sốt thán phục khi được cây tre cứu khỏi tình huống khó khăn trên mạn thượng lưu sông Hồng năm 1902. Tre được tận dụng để làm một hàng rào dài và rộng được dựng lên làm thành khu trại để tránh thú dữ, chống tre, chiếu tre, gồi tre, gáo tre (dựng nước, gạo, cơm, đồ hộp để nấu - tác giả gọi là

"những chiếc nồi kỳ lạ" - hay bát, xô, chậu), đĩa, đĩa, thìa. Tất cả vật dụng phục vụ cho bữa ăn và việc nghỉ ngơi của đoàn đều làm bằng tre. Quả thật, tre là một loài cây đã gắn bó với dân tộc Việt Nam từ trong lao động đến chiến đấu. Tre tượng trưng cho sức sống mãnh liệt, tinh thần bất khuất kiên cường, đoàn kết, gắn bó của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó, măng cụt ở Việt Nam cũng là một loại trái cây được tác giả yêu thích. Đối với Doumer, ông ấn tượng với các loại quả chua ở xứ nhiệt đới vì "*chúng gây ra những cơn cơn cào trong bụng ta vốn đã hay cơn cào mà không cần chúng*". Ở đầu thế kỷ XX, "*nó là loại quả duy nhất những người buôn bán hoa quả thuộc địa ở Paris và London không bán*" vì đây là một đặc sản không bảo quản được lâu nên không thể vận chuyển đường dài. Nó thích hợp với khí hậu nhiệt đới có nhiệt độ, độ ẩm cao và lượng mưa dồi dào. Thường thức một quả măng cụt là cả một nghệ thuật, từ cấu trúc của trái, màu sắc, số lượng múi, hương vị đều mang đậm màu sắc của văn hóa sông nước.

d. Đặc điểm văn hóa dân tộc

Đối với Việt Nam, Paul Doumer ấn tượng với đặc trưng tính cách của người Việt. Ông thể hiện thái độ rất coi trọng dân tộc Việt Nam. Ông gọi nước Việt Nam trước khi bị Pháp xâm lược là một "đế quốc An Nam". Một dân tộc hùng mạnh, cần cù, dũng cảm và thông minh. Ông không tiếc lời ca ngợi: "*Người An Nam chắc chắn là tộc người ưu trội so với các dân tộc xung quanh. Người Cao Miên, Ai Lao và Xiêm La đều không thể chống lại được họ. Không một dân tộc nào trong Đế quốc các xứ Ấn Độ có những phẩm chất như họ. Phải tới tận Nhật Bản mới có tộc người có phẩm chất của người An Nam và giống như người An Nam... Cả hai đều thông minh, cần cù và dũng cảm. Họ cũng là những người lao động mầu mỡ, những nông phu giỏi việc đồng áng, những người thợ lành nghề, những nghệ nhân khéo léo và thông minh. So với các dân tộc khác ở châu Á, trên tư cách người thợ và người lính, người An Nam vẫn xếp cao hơn một bậc*". Với vai trò là một Toàn quyền Đông Dương - kẻ đi xâm lược, cai trị dân tộc Việt Nam - nhưng Doumer đã nhìn nhận thẳng thắn, khách quan về truyền thống và tính cách của dân tộc Việt Nam trong tương quan so sánh với hơn 20 chủng tộc khác trên thế giới. Đây là một luận điểm đáng tin cậy vì đó là sự hiểu biết và nghiên cứu của một người trí thức có tầm cỡ (Paul Doumer trở thành Tổng thống Pháp năm 1931-1932). Ông khẳng định dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng, mạnh mẽ, thông minh và vượt trội hơn hẳn các quốc gia khác ở khu vực Đông Nam Á. Ông đặt dân tộc Việt Nam ngang hàng với dân tộc Nhật Bản - một đế quốc cường thịnh ở châu Á thời bấy giờ. Điều đó không phải ông nói suông mà đó là sự đúc kết kinh nghiệm của một con người chính trị già dặn với quan niệm "*những người dũng cảm trong lao động cũng là những người dũng cảm trong chiến tranh... Nếu người nào can đảm trước sự mệt mỏi, người đó sẽ can đảm trước nguy hiểm và cái chết*".

8. Trần Ngọc Thêm, 2008. *Tinh cách văn hóa người Việt ở Nam bộ như một hệ thống*, 19/9/2019. <http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/408-tran-ngoc-them-tinh-cach-van-hoa-nguoi-viet-nam-bo.html>
9. Trần Ngọc Thêm, 2014. *Những vấn đề văn hóa học, lý luận và ứng dụng*. NXB Văn hóa - Văn nghệ TP HCM. TP. HCM.
10. Trần Ngọc Thêm (chủ biên), 2014. *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. NXB Văn hóa - Văn nghệ TP HCM. TP. HCM.

THE CHARACTERISTICS OF RIVER CULTURE IN SOME SOUTHEAST ASIAN COUNTRIES ON MEMOIR FRENCH INDO-CHINA: MEMORIES OF PAUL DOUMER

Abstract: *This paper is aimed to show the indication of river culture in some Southeast Asian countries such as Vietnam, Laos, Cambodia, Thailand, Myanmar ... in the early twentieth century in the memoir French Indo-China: Memories of Paul Doumer. By using methodologies such as system - type, interdisciplinary studies, analysis - synthesis, comparison, the article points out the river cultural characteristics that are both regionally and nationally specific, including features of river space, settlement culture, transportation, characteristics of animals and plants, the distinctions of each ethnic culture.*

Keywords: *cultural space, Indo - China, Paul Doumer, Southeast Asia, river culture*